TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 01**/2020/DS-ST
Ngày 07/01/2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Ngọc Hân

2. Ông Đỗ Trọng Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2019/TLST–DS ngày 24 tháng 6 năm 2019, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 331/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L (Tiến), sinh năm 1952

Hộ khẩu thường trú: khóm 3, phường k, thành phố X, tỉnh G. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái L, sinh năm 1980. Địa chỉ ấp X, xã Đ, huyện X, tỉnh T. Địa chỉ liên hệ khóm 2, phường H, thành phố X, tỉnh G đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 19/8/2019 tại Văn phòng Công chứng Cao Thị Hồng Cúc công chứng số 1333, quyển số 02.TP/CC-SCC/HĐGD. (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Đào Thị Thanh V, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

2.2. Ông Trần Thanh D, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

2.3. Bà Lê Thị Mỹ P, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ khóm 3, phường k, thành phố X, tỉnh G

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn T, sinh năm 1960

Địa chỉ khóm 3, phường k, thành phố X, tỉnh G (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Phần trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thái L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị L thể hiện nội dung:

Vào ngày 25/7/2016, bà Đào Thị Thanh V và con trai là Trần Thanh D có vay của bà Phạm Thị L số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 5 năm, trả nợ gốc và lãi vào ngày 25 hàng tháng theo lịch in sẵn cho đến hết 05 năm. Việc vay nợ có làm biên nhận, mục đích vay nợ là để làm ăn phát triển kinh tế gia đình và chữa bệnh cho ông Trần Văn T (là chồng bà V) bị tai biến mạch máu não, liệt người. Đối với số tiền này thì gia đình của bà V đã thanh toán xong vào ngày 06/12/2019 nên bà L rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà Đào Thị Thanh V, ông Trần Thanh D, bà Lê Thị Mỹ P, ông Trần Văn T phải liên đới trả số tiền 200.000.000 đồng, nợ gốc theo biên nhận ngày 25/7/2016 và tiền lãi từ ngày 25/7/2016 đến ngày 01/6/2017, với số tiền 48.000.000 đồng nhưng khấu trừ đi số tiền 6.000.000 đồng bà V đã đưa. Tổng cộng nợ vốn và lãi là 242.000.000 đồng.

Ngày 29/6/2016, bà V, ông D và bà Lê Thị Mỹ P (vợ ông D) vay tiếp của bà L số tiền 24.000.000 đồng và 4.000 đô la Mỹ, không tính lãi suất. Đến ngày 14/11/2017, ông D đứng ra trả lại cho bà L số tiền 4000 USD theo Biên nhận ngày 29/9/2016 mà bà V, ông D và bà P đã vay. Số tiền 24.000.000 đồng còn lại giữa bà với ông D đã làm biên nhận lại vào ngày 14/11/2017, số tiền vay này do ông D, bà P vay tiền.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị L xác định lại yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên giải quyết:

+ Buộc ông Trần Thanh D trả cho bà L số tiền 24.000.000 đồng theo biên nhận ngày 14/11/2017.

+ Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà Đào Thị Thanh V, ông Trần Thanh D, bà Lê Thị Mỹ P, ông Trần Văn T phải liên đới trả cho bà L tổng cộng nợ vốn và lãi là 242.000.000 đồng. Rút lại yêu cầu bà Lê Thị Mỹ P phải liên đới cùng với ông D trả số tiền 24.000.000 đồng

- Phần trình bày của bị đơn bà Đào Thị Thanh V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày tại tờ tự khai ngày 21/8/2019 và tại buổi hòa giải ngày 21 tháng 8 năm 2019, thể hiện nội dung: Bà và bà L trước đây là bạn bè thân thiết, thời gian này bà có kinh doanh nuôi cá tra thịt. Do cần vốn nên có vay của bà L 200.000.000 đồng với lãi suất 5%/tháng. Bà có làm biên nhận cho bà L vào ngày 25/8/2014 nhưng bà L kêu ghi lãi suất 1,5%/tháng. Đóng lãi đến ngày 25/8/2019 thì bà không còn khả năng đóng lãi cũng như trả nợ gốc vì

nuôi cá thua lỗ. Bà có thỏa thuận xin bà L bỏ lãi và trả dần trong 05 năm (đến năm 2021) thì bà L đồng ý. Theo thỏa thuận bà có khả năng bao nhiêu sẽ cho đến năm 2021 sẽ trả dứt nợ. Bà có trả được cho bà L được 03 đợt với số tiền 12.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 01/6/2017 trả 6.000.000 đồng; Ngày 01/6/2019 trả 2.000.000 đồng và ngày 18/11/2017 trả 4.000.000 đồng.

Đến ngày 08/02/2018, bà có nhờ con gái trả tiền cho bà L thêm 2.000.000 đồng nhưng bà L không nhận. Bà L yêu cầu khi nào đủ tiền thì trả một lượt, bà trả tiền dần cho bà L nhưng bà L không đồng ý nhận.

Nay, bà L khởi kiện yêu cầu bà trả tiền vay còn lại một lần bà không đồng ý vì bà chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà L theo biên nhận ký kết ngày 01/6/2017. Thời hạn trả nợ theo thỏa thuận là đến năm 2021 nên chưa hết hạn thỏa thuận trả nợ giữa hai bên. Mặt khác hiện nay chồng bà bị tai biến hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà không có khả năng thanh toán một lần cho bà L. Bà xin bà L xem xét, giải quyết cho bà được trả nợ nhiều lần cho đến năm 2021 sẽ trả dứt nợ theo thỏa thuận.

Đối với yêu cầu bà liên đới cùng con Trần Thanh D trả số tiền 24.000.000 đồng thì bà không đồng ý vì trước đây Duy hỏi vay tiền bà L số tiền 4.000 USD và 24.000.000 đồng để làm ăn có làm biên nhận. Lúc vay tiền có mặt bà nên bà L yêu cầu bà ký tên vào biên nhận chứng kiến việc vay tiền. Đến ngày 14/11/2017, con bà đã trả được cho bà L 4.000 USD và còn nợ lại số tiền 24.000.000 đồng. Giữa Duy và bà L có làm biên nhận xác nhận số tiền còn lại. Bà không liên quan đến việc vay mượn cũng như sử dụng số tiền mà Duy vay mượn của bà L. Mặc dù, bà là mẹ của Duy nhưng hiện nay bản thân bà cũng còn đang nợ bà L, trường hợp có tiền trả nợ cho bà L và dư tiền bà sẽ cho Duy tiền để trả nợ cho bà L.

Bà cũng thống nhất số tiền vốn vay 200.000.000 đồng của biên nhận ngày 25/7/2016 còn lại là 188.000.000 đồng. Bà không đồng ý yêu cầu trả tiền lãi 42.000.000 đồng và cùng liên đới trả số tiền 24.000.000 đồng do con trai bà là Trần Thanh D ký nhận.

- *Phần trình bày của bị đơn ông Trần Thanh D, bà Lê Thị Mỹ P:* Vắng mặt không có ý kiến trình bày

- *Phần trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T:* Vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà Đào Thị Thanh V, ông Trần Thanh D, bà Lê Thị Mỹ P, ông Trần Văn T phải liên đới trả cho bà L số tiền 200.000.000 đồng, nợ gốc theo biên nhận ngày 25/7/2016 và tiền lãi từ 25/7/2016 đến 01/6/2017 là 08 tháng là 48.000.000 đồng nhưng khấu trừ đi số tiền 6.000.000 đồng. Tổng cộng nợ vốn và lãi là 242.000.000 đồng.

Bị đơn bà Đào Thị Thanh V, ông Trần Thanh D, bà Lê Thị Mỹ P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Trần Thanh D có trách nhiệm trả số tiền là 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*) cho bà Phạm Thị L. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 242.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Phạm Thị L ủy quyền lại cho ông Nguyễn Thái L đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 19/8/2019 tại Văn phòng Công chứng Cao Thị Hồng Cúc công chứng số 1333, quyển số 02.TP/CC-SCC/HĐGD, thủ tục ủy quyền hợp lệ phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn bà Đào Thị Thanh V, ông Trần Thanh D, bà Lê Thị Mỹ P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T mặc dù được tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng bà Đào Thị Thanh V, ông Trần Thanh D, bà Lê Thị Mỹ P, ông Trần Văn T vẫn không tham dự phiên tòa nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc buộc bà Đào Thị Thanh V, ông Trần Thanh D, bà Lê Thị Mỹ P, ông Trần Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền vốn vay theo biên nhận ngày 25/7/2016 và tiền lãi từ ngày 25/7/2016 đến ngày 01/6/2017 là 48.000.000 đồng nhưng khấu trừ đi số tiền 6.000.000 đồng đã trả. Tổng cộng nợ vốn và lãi là 242.000.000 đồng. Rút lại yêu cầu buộc bà Lê Thị Mỹ P cùng chịu trách nhiệm liên đới với ông Trần Thanh D trả số tiền 24.000.000 đồng cho bà L. Việc bà L tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L.

[2] *Về thẩm quyền:* Bà Phạm Thị L yêu cầu ông Trần Thanh D phải có nghĩa vụ trả tiền vốn vay là 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*) theo biên nhận ngày 14/11/2017, không yêu cầu tính lãi suất đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều

35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] *Về nội dung vụ án*: Nguyên đơn bà Phạm Thị L cung cấp biên nhận bản chính ngày 14/11/2017 do ông Trần Thanh D ký tên thể hiện việc vay tiền của bà L và ông D xác định còn nợ bà L số tiền 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*). Hội đồng xét xử nhận thấy giữa hai bên có thỏa thuận việc vay tài sản là tiền, thỏa thuận của hai bên xuất phát từ việc tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng vay tài sản được điều chỉnh theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.1] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thái L là người đại diện theo ủy quyền của bà L xác định vốn vay chỉ còn 24.000.000 đồng, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông D nhưng ông D không có ý kiến cũng như không đến Tòa án. Biên nhận ngày 14/11/2017 thể hiện việc vay tiền do ông D trực tiếp ký nhận và theo ý kiến trình bày của bà Đào Thị Thanh V thì con bà là ông D có vay tiền và còn nợ của bà L số tiền 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*).

[3.2] Trong quá trình hai bên thỏa thuận ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên việc bà L khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh D có trách nhiệm trả nợ số tiền vốn vay còn lại là có cơ sở nên được chấp nhận. Nguyên đơn bà L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử, chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Trần Thanh D có trách nhiệm trả số tiền vốn vay 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*) cho bà Phạm Thị L.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

[4.1] Yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L được chấp nhận nên bà L không phải nộp tiền án phí, tuy nhiên bà L thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 16 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án nên bà L không thuộc trường hợp phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

[4.2] Ông Trần Thanh D phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

+ Điều 463, Điều 464, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 232, Điều 240, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 16 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L:

1.1. Buộc ông Trần Thanh D có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị L số tiền vốn vay là 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*).

1.2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với yêu cầu bà Đào Thị Thanh V, ông Trần Thanh D, bà Lê Thị Mỹ P, ông Trần Văn T có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn vay theo biên nhận ngày 25/7/2016 và tiền lãi từ ngày 25/7/2016 đến ngày 01/6/2017 tổng cộng nợ vốn và lãi là 242.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi hai triệu đồng*). Rút lại yêu cầu buộc bà Lê Thị Mỹ P cùng chịu trách nhiệm liên đới với ông Trần Thanh D trả số tiền 24.000.000 đồng cho bà L.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Phạm Thị L không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 16 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án nên bà L không thuộc trường hợp phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

3.2. Ông Trần Thanh D phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, bà Đào Thị Thanh V, ông Trần Thanh D, bà Lê Thị Mỹ P, ông Trần Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương

nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự " Để thi hành";
- VKSND.TPLX;
- TAND.An Giang;
- Lưu: hồ sơ;VP.

Trịnh Ngọc Thúy